

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			1.0	1.4	6.5	7.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15153001	Nguyễn Tài Anh	DH15CD			0.2	0	0	0.2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13153001	Nguyễn Văn Bá	DH13CD			1.0	1.6	5.5	6.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD			0.8	1.2	2	3.4	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12153039	Lương Hoàng Chương	DH12CD			1.0	1.6	9	8.9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD			1.0	1.8	4.5	6.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			1.0	1.6	7	7.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC			1.0	1.0	7	6.9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15138017	Hồ Thanh Dương	DH15TD			1.0	1.6	6.5	7.2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153006	Phan Hữu Đăng	DH15CD			1.0	1.4	6	6.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			1.0	1.4	5	5.9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153076	Lê Khải Định	DH13CD			0.0	1.8	5	5.3	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD			1.0	1.0	8.5	8.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			1.0	0.4	7	6.3	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13138051	Ngô Lộc Trường Đức	DH13TD			1.0	2.0	4	5.8	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			1.0	1.0	3	4.1	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			1.0	1.8	6	7.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			0.8	1.2	5.5	5.9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Điểm %	D2 Điểm %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			1.0	0.6	7.5	6.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			0.4	0.0	3	2.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			0.6	1.2	2	3.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC			1.0	1.2	7	7.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			1.0	1.4	5.5	6.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC			1.0	1.2	7.5	7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			0.8	1.8	5	6.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			1.0	1.4	8	8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			0.8	1.2	7	6.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15138031	Nguyễn Mạnh Khái	DH15TD			1.0	1.0	7	6.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			1.0	1.4	6	6.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13118183	Trương Nhật Khánh	DH13CC			1.0	1.4	5.5	6.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	13138096	Vũ Anh Khoa	DH13TD			1.0	1.8	8.5	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			1.0	1.6	8	8.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD			1.0	1.4	4	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			1.0	1.2	5	5.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			0.8	1.2	8	7.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15118054	Dặng Duy Long	DH15CK			1.0	1.0	8.5	8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15153031	Phạm Nguyễn Thành Lộc	DH15CD			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15153036	Nguyễn Xuân Luận	DH15CD			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD			0.6	1.8	7	7.3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
40	12153006	Trương Hoài Nam	DH12CD			1.0	0.8	5	5.3	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			1.0	1.2	7.5	7.5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
42	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD			1.0	1.6	6	6.8	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
43	13118037	Nguyễn Nhật	DH13CC			1.0	1.2	6	6.4	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
44	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD			1.0	1.0	5	5.5	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
45	13118236	Đặng Đình Phổ	DH13CC			1.0	1.2	6	6.4	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
46	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD			1.0	1.6	8	8.2	○●①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD			0.6	1.8	5	5.9	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			1.0	1.2	6	6.4	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
49	15153049	Thân Trọng Quan	DH15CD			0.2	1.8	0	2.0	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD			0.6	0	6	4.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
51	15118084	Bùi Quốc Quý	DH15CC			1.0	1.2	10	9.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD			1.0	0	4.5	4.2	○●①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC			1.0	1.0	6	6.2	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			0.6	1.6	5	5.7	○●①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥●⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	13118046	Kim Thái Sơn	DH13CC			1.0	1.8	5	6.3	○○○12345678910	○○123456789
56	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			1.0	1.2	5.5	6.1	○○○12345678910	○○123456789
57	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			1.0	1.4	5.5	6.3	○○○12345678910	○○123456789
58	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			0.4	1.4	8	7.4	○○○12345678910	○○123456789
59	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD			1.0	1.4	6.5	7.0	○○○12345678910	○○123456789
60	13153022	Nguyễn Hữu Tân	DH15CD			1.0	1.2	0	2.2	○○○12345678910	○○123456789
61	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			1.0	1.2	3.5	4.7	○○○12345678910	○○123456789
62	15137051	Trần Lê Công Thành	DH15NL			1.0	1.6	0	2.6	○○○12345678910	○○123456789
63	15137050	Phan Minh Thám	DH15NL			1.0	1.0	6	6.2	○○○12345678910	○○123456789
64	14153129	Phạm Hoàng Thán	DH14CD			1.0	2	7.5	8.5	○○○12345678910	○○123456789
65	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			0.8	1.0	6	6.0	○○○12345678910	○○123456789
66	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD			1.0	0.6	5.5	5.5	○○○12345678910	○○123456789
67	15153065	Lê Văn Thường	DH15CD			1.0	1.6	7	7.5	○○○12345678910	○○123456789
68	13118056	Vô Đức Tiến	DH13CC			0.8	1.2	5.5	5.9	○○○12345678910	○○123456789
69	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			1.0	1.0	5.5	5.9	○○○12345678910	○○123456789
70	13153240	Nguyễn Công Triển	DH13CD			1.0	1.2	5	5.7	○○○12345678910	○○123456789
71	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD			0.8	1.8	5	6.1	○○○12345678910	○○123456789
72	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			1.0	2	9	9.3	○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD			0.4	1.7	7	7.0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
74	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			1.0	1.0	7	6.9	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
75	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			0.6	1.2	7.5	7.1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
76	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			1.0	1.4	5.5	6.3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
77	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			1.0	1.4	7	7.3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
78	12153160	Phạm Văn Viện	DH12CD			0.8	1.4	9	8.5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
79	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			1.0	1.4	6	6.6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
80	13138023	Trần Văn Vượng	DH15TD			1.0	0.8	7	6.7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cần hỗ trợ thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cần hỗ trợ chăm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đỗ
Hàng Văn Đông

Ng
Ng. Văn Ngọc Thach

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154002	Đậu Đức Anh	DH15OT			0.4	0	0	0.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15138005	Dương Võ Bình	DH15TD			0.4	1.6	0	2.0	○①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD			1	1.6	6	6.8	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			0.6	0	4	3.4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT			1	1.4	5.5	6.3	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD			1	1.6	4	5.4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD			0.6	0	0	0.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD			0.6	0	6.5	5.2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15138014	Trương Công Định	DH15TD			1	1	8	7.6	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT			0.8	1.4	4	5.0	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD			0.6	1.4	5	5.5	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			1	1.4	7	7.3	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT			0.8	0.6	5	4.9	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD			0.8	1.4	8.5	8.2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153020	Trịnh Hoàng Hào	DH15CD			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15138022	Huỳnh Thanh Hiền	DH15TD			1	0.8	5	5.3	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15138024	Trần Như Hiền	DH15TD			1	0.8	6.5	6.4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	15153022	Nguyễn Hoàng Hiệp	DH15CD			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			1.0	0.8	5	5.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			1.0	1.4	8.5	8.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13118152	Bùi Văn Hợi	DH13CC			1.0	1.6	2.5	4.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			1.0	1.4	6.5	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD			1.0	1.4	7	7.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC			0.8	1.8	7	7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15153028	Lê Huỳnh Khang	DH15CD			1.0	1.6	10	9.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13153010	Nguyễn Anh Khôi	DH13CD			1.0	2.0	9.5	9.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT			0.8	1.4	0	2.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13138103	Nguyễn Đình Lân	DH13TD			1.0	0.6	5	5.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15138035	Phạm Hồng Linh	DH15TD			1.0	1.6	5	6.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13153011	Chu Văn Long	DH13CD			1.0	1.2	7	7.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15153034	Trần Minh Long	DH15CD			1.0	1.0	9	8.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15138037	Phạm Lộc	DH15TD			1.0	1.0	6.5	6.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			0.8	0.8	3.5	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			1.0	1.4	5	5.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD			0.6	0	6.5	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	12138075	Nguyễn Huy Minh	DH12TD			1.0	1.4	7	7.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 26%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			0.8	1.4	3	4.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15154033	Nguyễn Thành Nam	DH15OT			0.8	1.4	0	2.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13153156	Phạm Ngọc Nam	DH13CD			1.0	1.4	5	5.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD			1.0	1.6	4	5.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			0.8	1.4	6	6.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15153043	Nguyễn Văn Sơn Nguyên	DH15CD			0.6	0	6.5	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD			1.0	1.8	5	6.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			1.0	1.2	6	6.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD			1.0	1.8	8	8.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	13138165	Man Hồng Quân	DH13TD			0.6	1.4	4	4.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT			1.0	1.4	5	5.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	15118086	K* San	DH15CK			1.0	1.2	6	6.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			0.6	1.4	3	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	15138053	Vũ Tiến Sang	DH15TD			1.0	0.6	6.5	6.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			1.0	1.4	6	6.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT			0.4	0.0	5.5	4.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	13138200	Lê Ngọc Thạch	DH13TD			1.0	1.4	7	7.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD			0.6	1.0	6	4.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm t.c
55	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			1.0	1.0	3	4.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			1.0	1.4	8	7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	15154058	Lê Đoàn Trùng	DH15OT			0.4	0.5	2	1.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	12118096	Hồ Trần Trung Trí	DH12CC			0.8	1.0	6	6.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	14138106	Nguyễn Trọng Trí	DH14TD			0.8	1.2	7	6.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	13137152	Trần Anh Trí	DH13NL			1.0	1.4	7	7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL			0.8	1.4	6	6.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	15154062	Nguyễn Duy Trung	DH15OT			0.8	0.8	0	1.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC			1.0	2.0	8.5	9.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			0.6	0.0	5	4.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	12138103	Phạm Văn Trường	DH12TD			0.8	1.0	5	5.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			0.6	0.0	0.0	0.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			1.0	1.0	6	6.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	12118099	Tạ Quang Tuấn	DH12CC			1.0	1.0	5.5	5.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	14138113	Trịnh Châu Từ	DH14TD			0.6	1.3	3	4.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD			1.0	1.6	8	8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	15154068	Hà Lâm Ty	DH15OT			0.2	0.0	0.0	0.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC			1.0	1.6	0	2.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: **Kỹ thuật lập trình (207605) - 02**

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> <u>10%</u>	<u>Đ2</u> <u>10%</u>	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD			1.0	1.6	6.5	7.2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	15153077	Trịnh Quốc Vương	DH15CD			0.8	1.4	8	7.8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD			0.2	0	0	0.2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cần hồ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đang thiếu đang

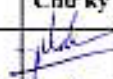
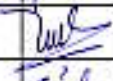
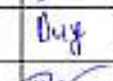
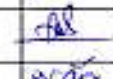
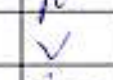
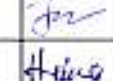
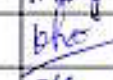
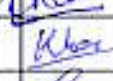
Nak
Nguyễn Ngọc Thạch

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và Đ.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thử	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD			8	6	7	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13153001	Nguyễn Văn Bá	DH13CD			9	6	9	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD			9	6	5	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13153283	Võ Quốc Danh	DH13CD			6	6	7	6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD			8	5	8	7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD			9	6	4	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
7	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			6	3	8	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13153076	Lê Khải Định	DH13CD			7	6	8	7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD			8	3	6	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD	✓						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153009	Ngô Thanh Huy	DH13CD			9	6	9	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13153120	Trương Ngọc Hưng	DH13CD			8	6	9	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD			8	3	6	5,8	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			6	3	4	4,3	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD			9	6	9	8,3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13153010	Nguyễn Anh Khôi	DH13CD			9	3	7	6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD			8	3	4	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và D.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Ngà (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm tđ
19	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD			9	6	4	5,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			6	3	4	4,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD			9	6	5	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD			9	6	4	5,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13153168	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	DH13CD			6	6	4	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD			7	3	5	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD			8	3	5	5,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD			9	6	8	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD			8	3	4	4,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD			8	3	9	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD			9	6	5	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13153211	Huỳnh Vũ Minh Thắng	DH13CD			8	3	6	5,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD			6	3	6	3,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	13153222	Trương Phi Hoàn	DH13CD			9	3	4	5,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD	✓						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD			7	5	5	5,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD			0	3	6	3,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13153236	Phạm Trọng Tín	DH13CD			9	6	8	7,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và Đ.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Ngà (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			9	3	7	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD			9	6	6	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD			8	3	5	5,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			6	3	4	4,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD			8	3	5	5,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Ngà

TS. Võ Văn Tiến

Trần Thị Kim Ngà

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - 001_DH13CD_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

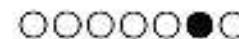
Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD				10	50	7.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
2	13153036	Nguyễn Xuân Ất	DH13CD				6	2.5	4.3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
3	12153029	Châu Thái Bảo	DH12CD				8	2.0	5.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
4	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD				9	2.0	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
5	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD				10	3.0	6.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
6	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD				6	3.0	4.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
7	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD				8	3.0	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
8	13153078	Trương Công Định	DH13CD				8	3.0	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
9	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD				6	0.5	3.3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
10	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD				6	4.5	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
11	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD				6	5.0	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
12	12153168	Phan Phụng Hiệp	DH12CD				8	3.0	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
13	12153174	Nguyễn Khắc Hòa	DH12CD				8	6.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
14	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD				9	3.5	6.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●
15	13153121	Vô Thị Kim Hương	DH13CD				9	6.0	7.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ●



Mã nhận dạng 03093



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - 001_DH13CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi

16/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT202

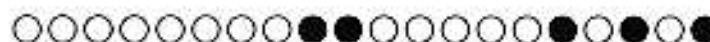
Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp

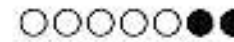
DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153122	Mai Đức	Hữu	DH13CD			9	1.0	5.0	0012345678910	0123456789
17	13153124	Nguyễn Trọng	Khang	DH13CD			8	1.0	4.5	0012345678910	0123456789
18	13153125	Nguyễn Minh	Khanh	DH13CD			9	4.0	6.5	0012345678910	0123456789
19	13153010	Nguyễn Anh	Khôi	DH13CD			6	0.5	3.3	0012345678910	0123456789
20	13153142	Nguyễn Văn	Lâm	DH13CD			10	9.0	9.5	0012345678910	0123456789
21	13153012	Nguyễn Hữu	Lộc	DH13CD			6	3.0	4.5	0012345678910	0123456789
22	13153147	Vô Thành	Luân	DH13CD			10	2.0	5.0	0012345678910	0123456789
23	13153150	Nguyễn Tiến	Mạnh	DH13CD			✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
24	13153014	Trịnh Đình	Minh	DH13CD			6.0	4.0	5.0	0012345678910	0123456789
25	13153015	Chau Hoài	Nam	DH13CD			6.0	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
26	13153152	Đặng Hoàng	Nam	DH13CD			8.0	5.0	6.5	0012345678910	0123456789
27	12153006	Trương Hoài	Nam	DH12CD			8.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
28	12153191	Nguyễn Gia	Nghĩa	DH12CD			8.0	3.0	5.5	0012345678910	0123456789
29	13153181	Nguyễn Hoàng	Phượng	DH13CD			8.0	5.0	6.5	0012345678910	0123456789
30	13153191	Lê Trọng	Quốc	DH13CD			8.0	1.0	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03093



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật ROBOT 2 (207609) - 001_DH13CD_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: 16/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: CT202

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp: DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD				6.0	8.0	7.0	0012345678910	0123456789
32	13153023	Tăng Thành Tháo	DH13CD				6.0	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
33	13153211	Huỳnh Võ Minh Thăng	DH13CD				8.0	4.0	6.0	0012345678910	0123456789
34	13153213	Nguyễn Hồng Thăng	DH13CD				10	5.0	7.5	0012345678910	0123456789
35	13153222	Trương Phi Hoàn	DH13CD				6.0	6.0	6.0	0012345678910	0123456789
36	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD				9.0	1.5	5.3	0012345678910	0123456789
37	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD				9.0	2.5	5.8	0012345678910	0123456789
38	13153247	Đinh Mạnh Trưởng	DH13CD				8.0	4.0	6.0	0012345678910	0123456789
39	13153259	Trần Thành Tuấn	DH13CD				6.0	9.5	7.8	0012345678910	0123456789
40	13153280	Lương Trung Vượng	DH13CD				8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 39 Số sinh viên vắng: 1

Ngày 20 Tháng 06 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Lê Văn Tuấn

TS. Vương Thanh Tiên

Th.S Nguyễn Tấn Phúc

Đào Duy Khánh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Phương pháp số (207615) - 001 DHISOT 01

Số Tín Ch 2

Nguy Thi 06/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Lê Quang Hiền

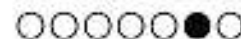
Lớn DH150T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1		Đ2		Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
							20%	20%	Đ. Số	Đ. Số			
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	DH15OT	Anh		7,0	7,0	7,0	7,0		001234567890	0123456789
2	15153001	Nguyễn Tài	Anh	DH15CD								001234567890	0123456789
3	15154006	K"	Bùng	DH15OT	Bùng		5,0	8,0	2,5	4,1		001234567890	0123456789
4	14118317	Phạm Ngọc	Châu	DH14CC	Chau		4,0	8,5	7,5	7,0		001234567890	0123456789
5	12153039	Lương Hoàng	Chương	DH12CD	Hoàng		6,0	8,0	9,5	8,5		001234567890	0123456789
6	15118012	Trần Thanh	Danh	DH15CK	Thanh		4,0	0,0	8,5	5,9		001234567890	0123456789
7	15154073	Dương Võ	Duy	DH15OT	Duy		9,0	8,5	6,0	7,1		001234567890	0123456789
8	15154010	Lê Minh	Đạt	DH15OT	Minh		2,0	8,0	6,0	5,6		001234567890	0123456789
9	15154013	Nguyễn Bình	Đông	DH15OT	Bình		5,0	7,5	7,0	6,7		001234567890	0123456789
10	15154016	Huỳnh Quang	Đường	DH15OT	Quang		5,0	8,0	8,0	7,4		001234567890	0123456789
11	15154018	Lê Trường	Giang	DH15OT	Giang		6,0	7,0	6,0	6,2		001234567890	0123456789
12	15118028	Nguyễn Ngọc	Hải	DH15CC								001234567890	0123456789
13	15153020	Trịnh Hoàng	Hào	DH15CD								001234567890	0123456789
14	15118036	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH15CK	Trọng		4,0	8,0	3,0	4,2		001234567890	0123456789
15	15118033	Đào Trung	Hiếu	DH15CC	Trung		0,0	0,0	1,0	0,6		001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03100



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Lê Quang Hiền

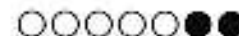
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			3,0	8,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
17	13153109	Nguyễn Tân Hồng	DH13CD							0012345678910	0123456789
18	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			4,0	7,0	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
19	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			2,0	7,0	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
20	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			8,5	7,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
21	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			6,0	8,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
22	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			3,0	8,5	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
23	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			3,0	7,0	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
24	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD			5,0	7,0	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
25	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			2,0	5,5	3,5	3,6	0012345678910	0123456789
26	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			2,0	6,0	3,0	3,4	0012345678910	0123456789
27	15154033	Nguyễn Thành Nam	DH15OT			2,0	0,0	1,0	1,0	0012345678910	0123456789
28	14118200	Phạm Quang	DH14CK			9,0	7,5	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
29	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT			5,0	8,0	9,0	8,0	0012345678910	0123456789
30	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			5,5	8,0	9,0	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03100



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017 - Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD301 Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15154036	Vũ Khắc Hoàn	Nhân			2,0	8,0	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
32	15118077	Nguyễn Minh	Nhật			5,0	7,5	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
33	15137072	Nguyễn Quang	Nhật			6,5	8,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
34	14118048	Bùi Hoàng	Phong			1,0	6,5	5,0	4,5	0012345678910	0123456789
35	13118232	Bùi Tấn	Phong			4,0	7,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
36	15118079	Nguyễn Thanh	Phong			9,0	7,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
37	13153173	Nguyễn Văn	Phong			7,5	7,5	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
38	14118058	Hà Trọng	Quốc			2,0	8,0	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
39	15154044	Nguyễn Vũ Hoàng	Sơn			6,0	7,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
40	15118090	Huỳnh Quốc	Tài			6,0	7,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
41	15118093	Phạm Ngọc	Tập			5,0	6,5	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
42	14153124	Hà Duy	Thái			5,0	7,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
43	15154051	Nguyễn Duy	Thái			10,0	0,0	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
44	15137052	Lê Văn	Thành			3,0	7,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
45	15154054	Nguyễn Văn	Thảo			6,0	8,5	4,0	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03100



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	60% D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15154053	Son Ngọc	Thắng			10,0	8,5	9,0	9,1	001234567890	001234567890
47	15137053	Bài Văn	Thi			4,0	8,0	2,0	3,6	001234567890	001234567890
48	15154055	Lưu Thanh	Thiên			4,5	8,5	3,0	4,2	001234567890	001234567890
49	15154057	Lê Minh	Thiện			6,0	8,0	7,0	7,0	001234567890	001234567890
50	15118102	Phạm Văn	Thịnh			6,0	9,0	9,0	8,4	001234567890	001234567890
51	13154059	Nguyễn Minh	Thông			5,0	8,5	4,0	5,1	001234567890	001234567890
52	14153134	Nguyễn Thanh	Thuận			2,5	7,5	5,0	5,0	001234567890	001234567890
53	15118104	Hoàng Ngọc	Tiến			2,5	7,5	2,5	3,5	001234567890	001234567890
54	15118105	Nguyễn Hồng	Tiến			5,0	6,5	6,5	6,2	001234567890	001234567890
55	14118074	Phạm Đình	Tiến			3,0	9,0	6,0	6,0	001234567890	001234567890
56	15137059	Phạm Nhật	Tiến							001234567890	001234567890
57	15118108	Lê Trung	Tinh			5,5	8,5	6,0	6,4	001234567890	001234567890
58	15118115	Vô Minh	Trí			5,0	8,5	4,0	5,1	001234567890	001234567890
59	14118080	Cao Văn	Trình			4,0	8,5	5,5	5,8	001234567890	001234567890
60	15118118	Nguyễn Bảo	Trọng			6,5	6,5	0,5	2,9	001234567890	001234567890



Mã nhận dạng 03100



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15OT_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 06/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Lê Quang Hiền

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trung 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			5,0	9,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
62	15154062	Nguyễn Duy	Trung	DH15OT						0012345678910	0123456789
63	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			2,0	0,0	2,0	1,6	0012345678910	0123456789
64	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			5,0	6,5	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
65	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			2,0	7,5	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
66	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			6,0	6,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
67	15154068	Hà Lâm	Tỷ	DH15OT						0012345678910	0123456789
68	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			5,0	8,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
69	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD			4,5	7,0	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
70	15118133	Dặng Hoàng Vũ	DH15CK			3,0	6,5	4,0	4,3	0012345678910	0123456789
71	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK			2,5	7,5	4,5	4,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ~~64~~ Số sinh viên vắng: 7

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Khắc Quý

Lê Văn Tuấn

Lê Văn Tuấn

Lê Quang Hiền

Phan Khắc Hiền

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001 DH15CC 02

Sổ Tm Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017

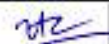
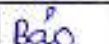
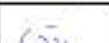
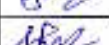
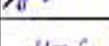
Giờ Thi: 12:15

Phòng Thí TV201

Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

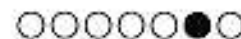
Lớn **DH15NL** (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trung I

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tủ điểm nguyên	Tủ điểm lẻ
1	15137002	Võ Trường An	DH15NL			0.8	0.1	4	3.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL			0.8	0.9	4	4.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			0.8	1.2	3.5	4.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			1.0	1.7	9.5	9.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			1.0	1.0	6.5	6.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT			0.8	1.2	1	2.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153070	Mai Thạch Dũ	DH14CD			0.8	1.8	8	8.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			1.0	1.7	2	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			1.0	1.4	3.5	4.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK			1.0	1.0	1	2.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			0.8	1.6	7.5	7.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			1.0	1.7	7.5	7.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			1.0	1.7	6.5	7.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			1.0	1.4	8	8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03098



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CC_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

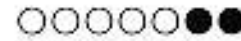
Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số 30 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14137036	Nguyễn Hồng	Hiếu	DH14NL		0.8	1.2	7	6.9	0012345678910	0123456789
17	15118037	Nguyễn Công	Hòa	DH15CK		1.0	1.3	5	5.8	0012345678910	0123456789
18	13153009	Ngô Thanh	Huy	DH13CD		1.0	2.0	10	10.0	0012345678910	0123456789
19	15118042	Nguyễn Văn	Huy	DH15CC		1.0	1.5	4	5.3	0012345678910	0123456789
20	15137031	Nguyễn Hữu	Kha	DH15NL		0.8	1.4	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
21	15118043	Trần Minh	Khang	DH15CC		1.0	1.2	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
22	15118045	Du Đức Anh	Khoa	DH15CK		0.8	1.8	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
23	15153031	Phạm Nguyễn Thành	Lộc	DH15CD	✓	0.4	1.6	0	2.0	0012345678910	0123456789
24	15118052	Trào An	Lộc	DH15CC		0.8	0.0	3	2.9	0012345678910	0123456789
25	15118053	Đặng Minh	Lợi	DH15CC		1.0	0.8	4	4.6	0012345678910	0123456789
26	15118060	Phạm Văn	Mai	DH15CK		0.8	1.8	6	6.8	0012345678910	0123456789
27	15118061	Đoàn Minh	Mẫn	DH15CC		1.0	1.6	5	6.1	0012345678910	0123456789
28	15137035	Bùi Công	Minh	DH15NL		1.0	1.5	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
29	15118070	Lý	Nghê	DH15CK		1.0	1.2	7	7.1	0012345678910	0123456789
30	15154039	Nguyễn Thanh	Phong	DH15OT		1.0	1.6	4	5.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03098



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CC_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV201 Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ.Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	<i>Thường</i>		1.0	1.0	7	6.9	0012345678910	0123456789
32	15118085	Vô Văn Quốc	DH15CC	<i>Quốc</i>		0.6	0.1	1	1.4	0012345678910	0123456789
33	14153045	Vô Xuân Quỳnh	DH14CD	<i>Quỳnh</i>		1.0	1.4	5	5.9	0012345678910	0123456789
34	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK	<i>Sơn</i>		1.0	1.7	2	4.1	0012345678910	0123456789
35	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC	<i>Tài</i>		1.0	1.6	5	6.1	0012345678910	0123456789
36	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL	<i>Tân</i>		1.0	1.6	3	4.7	0012345678910	0123456789
37	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT	<i>Tấn</i>		1.0	1.4	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
38	15118097	Vũ Trung Thành	DH15CC	<i>Thành</i>	✓	0.6	0.1	0	0.7	0012345678910	0123456789
39	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		0.0	1.6	1	2.3	0012345678910	0123456789
40	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		0.8	0.8	3	3.7	0012345678910	0123456789
41	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL	<i>Thọ</i>		1.0	1.2	6	6.4	0012345678910	0123456789
42	13118307	Nguyễn Triệu Toàn	DH13CK	<i>Toàn</i>		1.0	0.5	7.5	6.8	0012345678910	0123456789
43	15118110	Vũ Công Toàn	DH15CK	<i>Toàn</i>		1.0	1.4	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
44	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC	<i>Trán</i>		1.0	1.8	9.5	9.5	0012345678910	0123456789
45	15137063	Nguyễn Phước Trinh	DH15NL	<i>Trinh</i>		1.0	0.4	3	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03098



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CC_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV201 Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	D. Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15118120	Trần Nguyễn Quốc	Trung			1.0	1.2	3	4.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118337	Nguyễn Thanh	Tuấn			0.8	1.1	3	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14118089	Nguyễn Nhật	Tuyên			1.0	1.1	4.5	5.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	15118128	Hoàng Trung	Tường			1.0	0.5	2.5	3.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	15118130	Huỳnh Tấn	Vàng			1.0	1.7	7.5	8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	15118135	Bùi Nhật	Vương			1.0	1.6	8	8.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 48 Số sinh viên vắng: 3

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Võ Ngọc Thạch

 Nguyễn Văn Tuấn Anh

 Lê Văn Bình

 Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CK_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 06/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi: HD303 Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

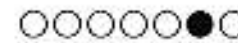
Lớp: DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ3 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK		1	8	7.5	2	4.3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT		1	8	4	10	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15118002	Phan Huỳnh Ân	DH15CK		✓	✓	✓	✓	✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13154005	Lưu Công Chi	DH13OT		1	8	3	0.5	2.0	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT		1	8	6	1	3.2	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT		1	8	5	8	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK		1	8	8.5	9	8.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
8	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK		1	8	7.5	4	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK		1	8	7.5	3	4.9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
10	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK		1	8	6	3	4.4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK		✓	✓	✓	✓	✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15153013	Nguyễn Trương Duy	DH15CD		1	8	5	5	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC		1	8	8	5	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD		1	8	0	0.5	1.1	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC		1	8	8	7	7.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03099



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CK_03

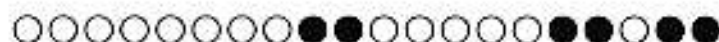
Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi 11D303 Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

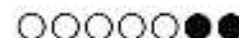
Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 30 %	D Số 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK		1	8	7.5	7	7.3	0012345678910	0123456789
17	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK		1	8	7.5	7	7.3	0012345678910	0123456789
18	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD		1	8	9.5	9.0	9.1	0012345678910	0123456789
19	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT		1	8	5	3	4.1	0012345678910	0123456789
20	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK		1	8	6	0.5	2.9	0012345678910	0123456789
21	15137019	Đương Thu Hiền	DH15NL		1	8	6.5	3	4.6	0012345678910	0123456789
22	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK		1	8	8.0	1	3.8	0012345678910	0123456789
23	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK		1	8	3	3	3.5	0012345678910	0123456789
24	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT		1	8	5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
25	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL		1	8	6.0	4	5.0	0012345678910	0123456789
26	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT		1	8	3	3	3.5	0012345678910	0123456789
27	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL		1	8	6	0.5	2.9	0012345678910	0123456789
28	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK		1	8	6	0.5	2.9	0012345678910	0123456789
29	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD		1	8	7.5	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
30	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT		1	8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03099



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CK_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL	<i>Khoa</i>	1	8	7.0	8.0	7.7	0012345678910	0123456789
32	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK	<i>Khoa</i>	1	8	3	7	5.9	0012345678910	0123456789
33	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK	<i>Phu</i>	1	8	5	0.5	2.6	0012345678910	0123456789
34	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL	<i>khuyen</i>	1	8	8	0.5	3.5	0012345678910	0123456789
35	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT	<i>Kiet</i>	1	8	0	3	2.6	0012345678910	0123456789
36	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK	<i>Long</i>	1	8	5	3	4.1	0012345678910	0123456789
37	15153034	Trần Minh Long	DH15CD	<i>Long</i>	1	8	5	7	6.5	0012345678910	0123456789
38	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT	<i>Lu</i>	1	8	3	3	3.5	0012345678910	0123456789
39	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT	<i>Lo</i>	1	8	5	3	4.1	0012345678910	0123456789
40	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK	<i>Lu</i>	1	8	5	6	5.9	0012345678910	0123456789
41	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK	<i>Lu</i>	1	8	8	0.5	3.5	0012345678910	0123456789
42	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK	<i>Minh</i>	1	8	9	0.5	3.8	0012345678910	0123456789
43	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT	<i>Minh</i>	1	8	5	3	4.1	0012345678910	0123456789
44	15118069	Vô Văn Nam	DH15CK	<i>nam</i>	1	8	3	3	3.5	0012345678910	0123456789
45	15118073	Phạm Đỗ Trung Nghĩa	DH15CK	<i>-</i>	✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03099



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CK_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

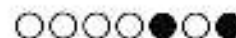
Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK		1	8	8.5	3	5.2	0012345678910	0123456789
47	13118041	Lê Minh Phương	DH13CK		1	8	8.5	7	7.6	0012345678910	0123456789
48	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT		1	8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
49	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT		1	8	4	6	5.6	0012345678910	0123456789
50	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK		1	8	8.0	6	6.8	0012345678910	0123456789
51	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT		1	8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
52	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK		1	8	8.0	3	5.0	0012345678910	0123456789
53	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK		1	8	3	4	4.1	0012345678910	0123456789
54	13154185	Đinh Ngọc Thúc	DH13OT		1	8	4	10	8.0	0012345678910	0123456789
55	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK		1	8	6.5	5	5.8	0012345678910	0123456789
56	15154060	Nguyễn Công Tình	DH15OT		1	8	4	3	3.8	0012345678910	0123456789
57	15118109	Lưu Ngọc Anh Toàn	DH15CK		1	8	6.5	0.5	3.1	0012345678910	0123456789
58	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK		1	8	7.5	4.0	5.5	0012345678910	0123456789
59	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT		1	8	5	0.5	2.6	0012345678910	0123456789
60	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK		1	8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03099



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15CK_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 06/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	15137065	Lê Trung	DH15NL		1	8	6	5	5.6	0012345678910	0123456789
62	15118121	Lê Quang	DH15CK		1	8	9	3	5.3	0012345678910	0123456789
63	15118123	Trần Thanh	DH15CK		1	8	9	5	6.5	0012345678910	0123456789
64	15118125	Hồ Minh	DH15CK		1	8	9.5	10	9.7	0012345678910	0123456789
65	15154065	Nguyễn Anh	DH15OT		1	8	5	3	4.1	0012345678910	0123456789
66	15118126	Nguyễn Minh	DH15CC		1	8	6	7	6.8	0012345678910	0123456789
67	15154066	Nguyễn Thanh	DH15OT		1	8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
68	15153074	Trương Khắc	DH15CD		1	8	8.5	6	7.0	0012345678910	0123456789
69	15118131	Dương Quốc	DH15CK		1	8	8.5	3	5.2	0012345678910	0123456789
70	15118132	Phạm Thế	DH15CK		1	8	6.5	5	5.8	0012345678910	0123456789
71	15154071	Huỳnh Tấn	DH15OT		1	8	3	3.5	3.8	0012345678910	0123456789
72	15137070	Nguyễn Anh	DH15NL		1	8	6.0	5	5.6	0012345678910	0123456789
73	15118137	Nguyễn Quốc	DH15CK		1	8	8.5	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
74	15118138	Hồ Sỹ	DH15CK		✓	8	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật ROBOT (207621) - 001_DH13CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017 -

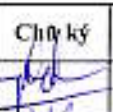
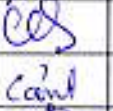
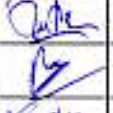
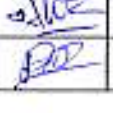
Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

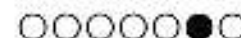
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD					8.5	8.5	○○○12345678910	○○123456789
2	12153140	Võ Văn Quốc	DH12CD					8.0	8.0	○○○12345678910	○○123456789
3	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD					1.5	1.5	○○○12345678910	○○123456789
4	12153031	Lê Văn Cảnh	DH12CD					6.5	6.5	○○○12345678910	○○123456789
5	13153045	Trần Đức	DH13CD					8.0	8.0	○○○12345678910	○○123456789
6	12153002	Nguyễn Tuấn	DH12CD					6.5	6.5	○○○12345678910	○○123456789
7	12153039	Lương Hoàng	DH12CD					5.0	5.0	○○○12345678910	○○123456789
8	12153172	Nguyễn Cường	DH12CD					9.0	9.0	○○○12345678910	○○123456789
9	12153043	Hồ Thành	DH12CD					0.5	0.5	○○○12345678910	○○123456789
10	13153059	Nguyễn Quốc	DH13CD					5.0	5.0	○○○12345678910	○○123456789
11	13153054	Lâm Thái	DH13CD					7.0	7.0	○○○12345678910	○○123456789
12	13153003	Phạm Trần Anh	DH13CD					1.0	1.0	○○○12345678910	○○123456789
13	13153063	Trần Văn	DH13CD					3.0	3.0	○○○12345678910	○○123456789
14	13153068	Mai Quốc	DH13CD					6.5	6.5	○○○12345678910	○○123456789
15	13153004	Trương Nguyễn Tiến	DH13CD					6.5	6.5	○○○12345678910	○○123456789



Mã nhận dạng 03101



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật ROBOT (207621) - 001_DH13CD_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

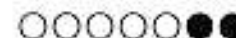
Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13153073	Nguyễn Văn Dẫu	DH13CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
17	13153005	Đặng Hữu Dệ	DH13CD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
18	13153078	Trương Công Định	DH13CD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
19	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
20	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
21	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD					1.0	1.0	0012345678910	0123456789
22	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
23	12153168	Phan Phụng Hiệp	DH12CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
24	12153174	Nguyễn Khắc Hòa	DH12CD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
25	12153037	Nguyễn An Hoài	DH12CD					3.0	3.0	0012345678910	0123456789
26	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD					1.0	1.0	0012345678910	0123456789
27	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD					✓	✓	0012345678910	0123456789
28	12153175	Lưu Gia Huân	DH12CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
29	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD					2.5	2.5	0012345678910	0123456789
30	13153009	Ngô Thanh Huy	DH13CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03101



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật ROBOT (207621) - 001_DH13CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp DH12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12153082	Phạm Ngọc Đăng Huy	DH12CD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
32	09153007	Nguyễn Văn Huynh	DH09CD17					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
33	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD					2.5	2.5	0012345678910	0123456789
34	13153121	Võ Thị Kim Hương	DH13CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
35	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD					4.0	4.0	0012345678910	0123456789
36	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
37	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
38	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
39	13153011	Chu Văn Long	DH13CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
40	10153070	Nguyễn Duy Long	DH10CD					✓	✓	0012345678910	0123456789
41	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
42	12153179	Đinh Quang Lương	DH12CD					10	10	0012345678910	0123456789
43	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật ROBOT (207621) - 002_DH13CD_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

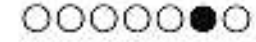
Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD					2.5	2.5	○○○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13153015	Chú Hoài	DH13CD					7.5	7.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13153152	Dặng Hoàng	DH13CD					7.0	7.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12153006	Trương Hoài	DH12CD					4.5	4.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12153191	Nguyễn Gia	DH12CD					6.0	6.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153016	Nguyễn Minh	DH13CD					7.0	7.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12153087	Hồ Văn	DH12CD					5.5	5.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13153164	Lưu Ngọc	DH13CD					7.0	7.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153166	Phan Thành	DH13CD					8.0	8.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153168	Nguyễn Hoàng Minh	DH13CD					6.5	6.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12153009	Nguyễn Thanh	DH12CD					2.0	2.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153173	Nguyễn Văn	DH13CD					7.5	7.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12153093	Hồ Vĩnh	DH12CD					5.5	5.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153176	Huỳnh Nguyễn	DH13CD					6.0	6.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153181	Nguyễn Hoàng	DH13CD					8.5	8.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03102



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật ROBOT (207621) - 002_DH13CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017 - Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV101 Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

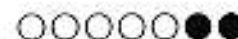
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
17	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD					3.0	3.0	001234567890	0123456789
18	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD					7.0	7.0	001234567890	0123456789
19	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD					6.5	6.5	001234567890	0123456789
20	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD					6.0	6.0	001234567890	0123456789
21	12153131	Nguyễn Ngọc Tài	DH12CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
22	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
23	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
24	12153133	Nguyễn Thanh Tân	DH12CD					8.0	8.0	001234567890	0123456789
25	12153081	Trần Đặng Thông	DH12CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
26	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
27	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD					10	10	001234567890	0123456789
28	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD					1.0	1.0	001234567890	0123456789
29	12153141	Trần Ngọc Thắng	DH12CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
30	13153219	Tôn Thái Thiện	DH13CD					7.0	7.0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03102



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật ROBOT (207621) - 002_DH13CD_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

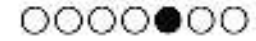
Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
32	13153222	Trương Phi Thoàn	DH13CD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
33	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
34	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
35	12153173	Đoàn Lý Thuyết	DH12CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
36	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD					8.0	8.0	0012345678910	0123456789
37	13153238	Mai Thanh Tinh	DH13CD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
38	11153010	Nguyễn Quốc Toàn	DH11CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
39	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD					5.0	5.0	0012345678910	0123456789
40	13153240	Nguyễn Công Triền	DH13CD					7.0	7.0	0012345678910	0123456789
41	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
42	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD					9.0	9.0	0012345678910	0123456789
43	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
44	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD					6.0	6.0	0012345678910	0123456789
45	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03102



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật ROBOT (207621) - 002_DH13CD_01**

Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi **08/06/2017**

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi **TV101**

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD					10	10	001234567890	0123456789
47	12153157	Nguyễn Anh Tuấn	DH12CD					9	9.0	001234567890	0123456789
48	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD					8.5	8.5	001234567890	0123456789
49	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789
50	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD					8.0	8.0	001234567890	0123456789
51	13153029	Trần Văn Vĩ	DH13CD					8.5	8.5	001234567890	0123456789
52	12153160	Phạm Văn Viện	DH12CD					5.0	5.0	001234567890	0123456789
53	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD					6.5	6.5	001234567890	0123456789
54	12153164	Võ Xuân Vinh	DH12CD					6.5	6.5	001234567890	0123456789
55	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD					8.5	8.5	001234567890	0123456789
56	13153280	Lương Trung Vương	DH13CD					9.0	9.0	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 56 Số sinh viên vắng: 0

Ngày 08 Tháng 06 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Th.S Nguyễn Tấn Phúc

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153036	Nguyễn Xuân	Át	DH13CD	At				8	001234567890	0123456789
2	13153001	Nguyễn Văn	Bá	DH13CD					8,5	001234567890	0123456789
3	13153002	Kim Thanh	Bạch	DH13CD					9,1	001234567890	0123456789
4	13153038	Thái Quang	Báo	DH13CD					9,1	001234567890	0123456789
5	13153044	Lê Văn	Cánh	DH13CD					8,9	001234567890	0123456789
6	13153043	Phan Ngọc	Cao	DH13CD					8,4	001234567890	0123456789
7	13153046	Huỳnh Công	Chinh	DH13CD					7,7	001234567890	0123456789
8	13153283	Võ Quốc	Danh	DH13CD					8,2	001234567890	0123456789
9	13153061	Trần Đại	Dương	DH13CD					0	001234567890	0123456789
10	13153076	Lê Khải	Dịnh	DH13CD					8,3	001234567890	0123456789
11	13153084	Nguyễn Trúc	Giang	DH13CD					8,8	001234567890	0123456789
12	13153106	Nguyễn Huy	Hoàng	DH13CD					9,1	001234567890	0123456789
13	13153110	Doãn Đức	Huy	DH13CD					9	001234567890	0123456789
14	13153114	Nguyễn Huỳnh Quang	Huy	DH13CD					8,7	001234567890	0123456789
15	13153115	Nguyễn Phúc	Huy	DH13CD					7,8	001234567890	0123456789
16	13153120	Trương Ngọc	Hưng	DH13CD					8,3	001234567890	0123456789
17	13153123	Trần Minh	Kha	DH13CD					0	001234567890	0123456789
18	13153125	Nguyễn Minh	Khanh	DH13CD					8,5	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207622) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13153128	Nguyễn Đăng Khoa	DH13CD	<i>Khoa</i>					9,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
20	13153129	Nguyễn Đình Đăng Khoa	DH13CD	<i>Khoa</i>					8,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
21	13153010	Nguyễn Anh Khôi	DH13CD	<i>Anh</i>					8,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
22	13153136	Nguyễn Nhật King	DH13CD	<i>King</i>					7,7	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
23	13153144	Trương Văn Lê	DH13CD	<i>Le</i>					7,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
24	13153146	Trần Tấn Lợi	DH13CD						0	●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
25	13153147	Vô Thành Luân	DH13CD	<i>Luân</i>					8,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
26	13153156	Phạm Ngọc Nam	DH13CD	<i>Nam</i>					8,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
27	13153165	Nguyễn Thành Nhân	DH13CD	<i>Nhan</i>					8,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
28	13153197	Dương Quỳnh	DH13CD	<i>Quynh</i>					8,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
29	13153019	Phan Văn Sinh	DH13CD	<i>Sinh</i>					9,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
30	13153202	Nguyễn Tấn Sĩ	DH13CD	<i>Si</i>					9,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
31	13153213	Nguyễn Hồng Thắng	DH13CD	<i>Thang</i>					8,7	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
32	13153215	Hàn Văn Thi	DH13CD	<i>Thi</i>					7,7	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
33	13153216	Lê Hữu Thi	DH13CD	<i>Thi</i>					8,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
34	13153224	Lê Tự Quốc Thông	DH13CD	<i>Thong</i>					8,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
35	13153232	Nguyễn Thành Tiến	DH13CD	<i>Tien</i>					8,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
36	13153236	Phạm Trọng Tín	DH13CD	<i>Tin</i>					7,9	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207622) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13153247	Đinh Mạnh Trường	DH13CD						0	●○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○
38	13153027	Đào Hoàng Vinh	DH13CD					8,9		○○○○○○○○○○●○○○○	○○○○○○○○○○○○●
39	13153275	Lê Văn Vũ	DH13CD					8,1		○○○○○○○○○○●○○○○	○○○○○○○○○○●○○

Số lượng vắng:

04

Hiện diện:

35

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

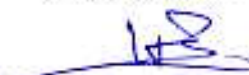
Nhà nhận của khoa/học môn

Cán bộ chấm thi 1

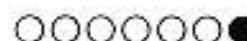
Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Tấn Phúc


Nguyễn Tấn Phúc


Nguyễn Tấn Phúc


Nguyễn Tấn Phúc



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD							0001234567890	0123456789
2	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD			8	9	9	8,6	0001234567890	0123456789
3	13153043	Phan Ngọc Cao	DH13CD			7	9	8	7,7	0001234567890	0123456789
4	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	DH14TD			5	5	5	5,0	0001234567890	0123456789
5	14138003	Vòng Cường	DH14TD			7	5	5	5,8	0001234567890	0123456789
6	13153283	Võ Quốc Danh	DH13CD			7	9	8	7,7	0001234567890	0123456789
7	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD			7	6	5	5,9	0001234567890	0123456789
8	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD			7	6	3	4,9	0001234567890	0123456789
9	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD			6	7	5	5,6	0001234567890	0123456789
10	13153078	Trương Công Định	DH13CD			6	7	5	5,6	0001234567890	0123456789
11	14138047	Lương Hồng Đồng	DH14TD			7	7	7	7,0	0001234567890	0123456789
12	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD			5	8	8	6,8	0001234567890	0123456789
13	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD			7	8	2	4,6	0001234567890	0123456789
14	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD			7	6	4	5,4	0001234567890	0123456789
15	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			7	7	3	5	0001234567890	0123456789
16	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD			7	8	7	7,1	0001234567890	0123456789
17	13153120	Trương Ngọc Hưng	DH13CD			9	8	9	8,9	0001234567890	0123456789
18	14138056	Võ Thành Hưng	DH14TD			7	8	7	7,1	0001234567890	0123456789

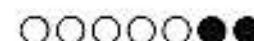
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổng điểm lẻ
19	13138006	Dào Thanh Hữu	DH13TD			6	7	7	6,6	○○○1234567890	○○123456789
20	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD			6	6	2	4,0	○○○1234567890	○○123456789
21	13153125	Nguyễn Minh Khanh	DH13CD			7	9	8	7,7	○○○1234567890	○○123456789
22	12138126	Nguyễn Duy Khương	DH12TD			8	7	6	6,9	○○○1234567890	○○123456789
23	14138017	Trần Đức Lâm	DH14TD			8	7	6	6,9	○○○1234567890	○○123456789
24	14138018	Nguyễn Hoàng Long	DH14TD			7	9	8	7,7	○○○1234567890	○○123456789
25	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD			7	6	5	5,9	○○○1234567890	○○123456789
26	12138122	Nguyễn Thanh Mỹ	DH12TD			6	8	6	6,2	○○○1234567890	○○123456789
27	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD			7	6	2	4,4	○○○1234567890	○○123456789
28	14153034	Chế Thành Nghi	DH14CD			9	8	9	8,9	○○○1234567890	○○123456789
29	14138070	Lê Thành Nghĩa	DH14TD			7	7	6	6,5	○○○1234567890	○○123456789
30	14138020	Lê Nghiêm	DH14TD			7	6	3	4,9	○○○1234567890	○○123456789
31	14138071	Nguyễn Thị Kiều Ngan	DH14TD			7	8	8	7,6	○○○1234567890	○○123456789
32	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD			7	6	3	4,9	○○○1234567890	○○123456789
33	14138073	Nguyễn Thành Nhân	DH14TD			8	8	8	8,0	○○○1234567890	○○123456789
34	14138022	Bùi Thanh Phong	DH14TD			8	7	3	5,4	○○○1234567890	○○123456789
35	14138078	Võ Đại Phước	DH14TD			6	7	8	7,1	○○○1234567890	○○123456789
36	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			7	5	2	4,3	○○○1234567890	○○123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	14138077	Võ Văn Phương	DH14TD			6	7	5	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13138016	Ngô Tắt Sang	DH13TD							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD			7	6	2	4,4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD			7	6	5	5,9	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			7	6	5	5,9	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	14138088	Nguyễn Đăng Trung	DH14TD			5	8	8	6,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13138199	Trịnh Viết Thành	DH13TD			7	6	2	4,4	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14138091	Dương Thanh Tháo	DH14TD							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD			6	7	3	4,6	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	13138205	Vương Bảo Thế	DH13TD			7	9	9	8,2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	13138206	Nguyễn Hoàng Thi	DH13TD							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	14138098	Huỳnh Quốc Thông	DH14TD			7	7	4	5,5	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14138031	Tổng Ngọc Anh Thư	DH14TD			7	8	7	7,1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD			7	6	3	4,9	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	13153236	Phạm Trọng Tín	DH13CD			7	8	8	7,6	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14138104	Phan Văn Toàn	DH14TD			7	7	5	6,0	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	14138034	Nguyễn Minh Trí	DH14TD							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD			8	6	2	4,8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

Cán bộ chấm thi 2

Ulu
Pantun Krim Ngga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 02

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD			9	6	4	6,2	○○○1234567890	0123456789
2	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD			8	8	8	8,0	○○○1234567890	0123456789
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			0	8	7	4,3	○○○1234567890	0123456789
4	14153005	Vô Đức Bấy	DH14CD			9	7	8	8,3	○○○1234567890	0123456789
5	14153067	Nguyễn Khắc Bồng	DH14CD			7	8	8	7,6	○○○1234567890	0123456789
6	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CD			8	6	4	5,8	○○○1234567890	0123456789
7	13153046	Huỳnh Công Chính	DH13CD			6	8	8	7,2	○○○1234567890	0123456789
8	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			6	7	5	5,6	○○○1234567890	0123456789
9	13153061	Trần Đại Dương	DH13CD			9	8	6	7,4	○○○1234567890	0123456789
10	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			5	8	3	4,3	○○○1234567890	0123456789
11	13153073	Nguyễn Văn Đầu	DH13CD			7	6	4	5,4	○○○1234567890	0123456789
12	13153005	Dặng Hữu Đức	DH13CD			6	7	5	5,6	○○○1234567890	0123456789
13	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD			9	7	5	6,8	○○○1234567890	0123456789
14	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD			6	7	7	6,6	○○○1234567890	0123456789
15	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			9	8	7	7,9	○○○1234567890	0123456789
16	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			6	8	8	7,2	○○○1234567890	0123456789
17	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD			6	9	8	7,3	○○○1234567890	0123456789
18	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD			9	6	2	5,2	○○○1234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 02

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 40%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD			6	6	3	4,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13153109	Nguyễn Tấn Hằng	DH13CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD			8	10	9	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD			7	5	3	4,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			8	8	4	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD			8	7	6	6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14153096	Huỳnh Duy Khánh	DH14CD			7	8	8	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD			9	10	9	9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13153128	Nguyễn Đăng Khoa	DH13CD			6	9	8	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13153010	Nguyễn Anh Khải	DH13CD			7	8	7	7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13138103	Nguyễn Đình Lân	DH13TD			7	5	2	4,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14138064	Lê Đình Long	DH14TD			8	8	7	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	10153070	Nguyễn Duy Long	DH10CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD			9	9	8	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			7	7	8	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD			6	6	5	5,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13153015	Chu Hoài Nam	DH13CD			8	9	6	7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 02

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD	Nam		8	8	4	6,0	0012345678910	0123456789
38	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD	Nam		8	7	4	5,9	0012345678910	0123456789
39	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD	Ngọc		9	6	5	6,7	0012345678910	0123456789
40	14138072	Nguyễn Vũ Nguyên	DH14TD	Nguyên		8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
41	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD	Nhân		8	9	8	8,6	0012345678910	0123456789
42	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD	Nhân		6	6	2	4,0	0012345678910	0123456789
43	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD	Nhân		6	7	6	6,1	0012345678910	0123456789
44	14153109	Nguyễn Hiệp Duy Nhất	DH14CD	Nhất		6	7	6	6,1	0012345678910	0123456789
45	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD	Nhật		6	7	7	6,6	0012345678910	0123456789
46	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD	Phong		9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
47	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD	Phương		9	7	4	6,3	0012345678910	0123456789
48	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD	Quang		6	9	8	7,3	0012345678910	0123456789
49	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD	Quân		6	5	5	5,4	0012345678910	0123456789
50	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD	Quốc						0012345678910	0123456789
51	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD	Quyết		8	6	3	5,3	0012345678910	0123456789
52	14153045	Vô Xuân Quỳnh	DH14CD	Quỳnh		9	6	3	5,7	0012345678910	0123456789
53	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD	Sang						0012345678910	0123456789
54	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD	Sơn		8	7	7	7,4	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 02

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD			7	6	3	4,9	○○○1234567890	0123456789
56	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD			8	8	8	8,0	○○○1234567890	0123456789
57	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD			6	6	2	4,0	○○○1234567890	0123456789
58	14153129	Phạm Hoàng Thán	DH14CD			9	9	7	8,0	○○○1234567890	0123456789
59	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			7	8	6	6,6	○○○1234567890	0123456789
60	14153134	Nguyễn Thanh Thuận	DH14CD			6	7	4	5,1	○○○1234567890	0123456789
61	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD			8	7	7	7,4	○○○1234567890	0123456789
62	13153238	Mai Thanh Tĩnh	DH13CD							○○○1234567890	0123456789
63	14153053	Nguyễn Văn Tĩnh	DH14CD			9	7	7	7,8	○○○1234567890	0123456789
64	14153054	Đinh Ngọc Trần	DH14CD			7	7	5	6,0	○○○1234567890	0123456789
65	13153244	Nguyễn Thanh Tri	DH13CD			5	7	4	4,7	○○○1234567890	0123456789
66	13153240	Nguyễn Công Triển	DH13CD			8	6	3	5,3	○○○1234567890	0123456789
67	13153247	Đinh Mạnh Trường	DH13CD			7	8	6	6,6	○○○1234567890	0123456789
68	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD			6	8	8	7,2	○○○1234567890	0123456789
69	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD			7	9	9	8,2	○○○1234567890	0123456789
70	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			8	8	7	7,5	○○○1234567890	0123456789
71	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD			6	6	2	4,0	○○○1234567890	0123456789
72	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD			6	9	2	4,3	○○○1234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật xử lý ảnh (207624) - 02

CBGD: Trần Thị Kim Ngà (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	14153060	Nguyễn Công Trương	DH14CD			9	7	7	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	13138255	Phùng Anh Vi	DH13TD							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	13138021	Trần Thanh Vinh	DH13TD			7	4	3	4,7	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
76	13153275	Lê Văn Vũ	DH13CD			6	7	2	4,1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi:

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

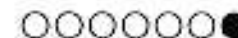
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Uen
Trần Thị Kim Ngân

12
Thường xuyên

Ucc
Ther Ther' Learning



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14CD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

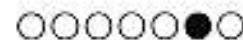
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
2	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
3	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD			8	5	5	5.3	0012345678910	0123456789
4	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			8	6	4	5.0	0012345678910	0123456789
5	14153005	Võ Đức Bấy	DH14CD			8	7.5	5	6.1	0012345678910	0123456789
6	14153067	Nguyễn Khắc Bồng	DH14CD			8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
7	14153006	Hồ Nguyễn Văn Cảnh	DH14CD			8	8.5	1	4.0	0012345678910	0123456789
8	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD			8	9	5	6.5	0012345678910	0123456789
9	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
10	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD			8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789
11	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			8	7	0.5	3.2	0012345678910	0123456789
12	14153070	Mai Thục Dù	DH14CD			8	7	2.0	4.1	0012345678910	0123456789
13	14153071	Thái Anh Đông	DH14CD			8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
14	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD			8	9	6	7.1	0012345678910	0123456789
15	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD			8	5	3	4.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03105



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14CD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

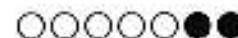
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			8	8	5	6.2	001234567890	0123456789
17	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			8	6	2	3.8	001234567890	0123456789
18	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD			8	6	4	5.0	001234567890	0123456789
19	14153079	Bùi Văn Hân	DH14CD			8	7	2	4.1	001234567890	0123456789
20	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD			8	10	2	5.0	001234567890	0123456789
21	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD			8	7.5	4	5.5	001234567890	0123456789
22	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			8	7	2	4.1	001234567890	0123456789
23	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			8	7	4	5.3	001234567890	0123456789
24	14153016	Trần Dương Hoan	DH14CD			8	10	6	7.4	001234567890	0123456789
25	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD			8	5	4	4.7	001234567890	0123456789
26	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			8	7.5	8	7.9	001234567890	0123456789
27	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			8	6	5	5.6	001234567890	0123456789
28	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD			8	7	4	5.3	001234567890	0123456789
29	14153096	Huỳnh Duy Khánh	DH14CD			8	8	5.5	6.5	001234567890	0123456789
30	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD			8	8	7.5	7.7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03105



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14CD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 6%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			8	7	5	5.9	0012345678910	0123456789
32	14153023	Đinh Thiện Duy	DH14CD			8	8	1	3.8	0012345678910	0123456789
33	14153024	Ngô Tường Lâm	DH14CD			8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
34	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD			8	8	4	5.6	0012345678910	0123456789
35	14153102	Hồ Hán Lộc	DH14CD			8	7.5	5	6.1	0012345678910	0123456789
36	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD			8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
37	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			8	9	1	4.1	0012345678910	0123456789
38	14153029	Hàng Lực	DH14CD			8	8	0.5	3.5	0012345678910	0123456789
39	14153030	Trần Lộc Minh	DH14CD			8	8	0.5	3.5	0012345678910	0123456789
40	14153031	Lê Nhật Nam	DH14CD			8	8	0.5	3.5	0012345678910	0123456789
41	14153103	Nguyễn Đức	DH14CD			8	6	0.5	2.9	0012345678910	0123456789
42	14153104	Phạm Thanh Nam	DH14CD			8	9	5	6.5	0012345678910	0123456789
43	14153034	Chế Thành Nghi	DH14CD			8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
44	14138070	Lê Thánh Nghĩa	DH14TD			8	9	4.5	6.2	0012345678910	0123456789
45	14153036	Phạm Trọng	DH14CD			8	8.5	2	4.6	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 002_DH14CD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trung I

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138072	Nguyễn Vũ Nguyên	DH14TD			8	6	4	5.0	○○○12345678910	●123456789
2	14153107	Đinh Như Nhân	DH14CD			8	7	5	5.9	○○○12345678910	○12345678●
3	14153037	Lê Trung Nhân	DH14CD			8	8,5	3	5.2	○○○12345678910	○1●3456789
4	14138073	Nguyễn Thành Nhân	DH14TD			8	9	1	4.1	○○○123●5678910	○●123456789
5	14153039	Nguyễn Văn Nhân	DH14CD			8	7	5	5.9	○○○12345678910	○12345678●
6	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			8	8,5	1,5	4.3	○○○123●5678910	○12●3456789
7	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD			8	8	5	6.2	○○○12345678910	○1●3456789
8	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD			8	7	0,5	3.2	○○○12●345678910	○1●23456789
9	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD			8	6	0,5	2.9	○○○1●2345678910	○12345678●
10	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD			8	8,5	4	5.8	○○○12345678910	○12345678●
11	14138026	Nguyễn Thanh Quang	DH14TD			8	6	2	3.8	○○○12●345678910	○12345678●
12	14153045	Võ Xuân Quỳnh	DH14CD			8	8	5	6.2	○○○12345678910	○123456789
13	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD			8	9	3	5.3	○○○12345678910	○12●3456789
14	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD			8	8	4	5.6	○○○12345678910	○123456789
15	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			8	7	0,5	3.2	○○○12●345678910	○1●23456789



Mã nhận dạng 03106



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 002_DH14CD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017 -

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

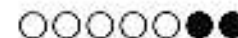
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Đ.Số 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14153118	Phan Thương Hoài L.	Tâm			8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
17	14153119	Trần Trí	Tâm			8	7	3	4.7	0012345678910	0123456789
18	14153123	Đỗ Hồng	Thái			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
19	14153125	Lam Đức	Thái			8	5	0.5	2.5	0012345678910	0123456789
20	14153129	Phạm Hoàng	Thân			8	9	4	5.9	0012345678910	0123456789
21	14153050	Nguyễn Phú	Thịnh			8	5	1	2.9	0012345678910	0123456789
22	14138098	Huỳnh Quốc	Thông			8	6	2	3.8	0012345678910	0123456789
23	14153134	Nguyễn Thanh	Thuận			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
24	14153053	Nguyễn Văn	Tinh			8	8	1	3.8	0012345678910	0123456789
25	14153054	Dinh Ngọc	Trần			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
26	14138034	Nguyễn Minh	Tri			8	9	1	4.1	0012345678910	0123456789
27	14153137	Phạm Ngọc	Tri			8	6	4	5.0	0012345678910	0123456789
28	14153138	Phan Văn	Trọng			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
29	14153139	Lê Văn	Trưởng			8	7	2	4.1	0012345678910	0123456789
30	14153140	Nguyễn Mạnh	Tuấn			8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03106



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 002_DH14CD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017 - Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD201 Giảng viên: Nguyễn Tấn Phúc

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD			8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
32	14153059	Phạm Ngọc Tuyền	DH14CD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
33	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
34	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			8	7.5	3	4.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 34. Số sinh viên vắng: 0

Ngày 04 Tháng 07 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp
Phạm Minh Hiền
TS. Vương Văn Tiến
Nguyễn Tấn Phúc
Cao Đức Lợi